

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26 - 4 - 2021
V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa bà N và ông L

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Diệp Song Tiền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 247/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà Lê Thị Kim N, sinh năm 1978 (có mặt);

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trung L, sinh năm 1975(vắng mặt);

Địa chỉ đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp H, xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

Tạm trú: Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 6 năm 2020 và quá trình xét xử, nguyên đơn bà Lê Thị Kim N trình bày:

Bà và ông Nguyễn Trung L chung sống với nhau vào năm 2014 nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông L không phụ

giúp nuôi con chung nên cự cãi với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, không thể kéo dài hôn nhân nên bà N yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Trung L.

Bà N xác định: Nghề nghiệp của bà là công nhân, thu nhập bình quân mỗi tháng khoảng 8.000.000đ (tám triệu đồng).

Trong quá trình chung sống giữa bà N và ông Nguyễn Trung L có một người con chung tên là Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015, hiện tại do bà N đang nuôi dưỡng. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được quyền trực tiếp nuôi con chung, bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung có nhưng bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Bà N xác định không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đề nghị Hội đồng xét xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Trung L.

Quá trình tố tụng, ông Nguyễn Trung L vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của bà Lê Thị Kim N và nơi cư trú của ông Nguyễn Trung L, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Tòa án đã triệu tập hợp lệ ông Nguyễn Trung L đến tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm nhiều lần nhưng ông Nguyễn Trung L vắng mặt không rõ lý do. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng Dân sự, xét xử vụ án vắng mặt ông Nguyễn Trung L.

[3] Bà Lê Thị Kim N xác định bà và ông Nguyễn Trung L không đăng ký kết hôn là phù hợp với các giấy xác nhận cùng ngày 12 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Long An và của Ủy ban nhân dân xã D, huyện Châu Thành, tỉnh Long An nên căn cứ vào khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim N với ông Nguyễn Trung L.

[4] Bà N và ông L chung sống có một người con chung có tên là Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015, bà N yêu cầu được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung, đồng thời xác định có tài sản chung và không có nợ chung nên Tòa án đã tiến hành hòa giải giữa bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Trung L về việc nuôi con chung nhưng ông L vắng mặt. Ông L không có ý kiến gì đối với các yêu cầu của bà N, người con chung đang sống cùng với bà N

nên đã ổn định về mặt tình cảm và tâm lý nên giao cho bà N được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung là phù hợp. Bà N không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Ông L có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Lê Nguyễn Anh T; Vì lợi ích của người con chung, bà N, ông L có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con; bà N, ông L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định chung của pháp luật.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Bà N xác định có tài sản chung nhưng không yêu cầu giải quyết, còn về nợ chung, bà N xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Nguyễn Trung L không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Bà Lê Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) được trừ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15 và khoản 2 Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Lê Thị Kim N và ông Nguyễn Trung L.

Về con chung: Bà Lê Thị Kim N được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục người con chung có tên là Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015, hiện bà N đang nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Trung L có quyền, nghĩa vụ thăm nom người con chung có tên là Lê Nguyễn Anh T, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2015, bà N cùng các thành viên của gia đình không ai được cản trở. Ông L thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con phải thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp ông Nguyễn Trung L lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Lê Thị Kim N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Nguyễn Trung L.

Vì lợi ích của các người con chung, khi có căn cứ thì bà N, ông L hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con; khi có lý do chính đáng thì bà N, ông L có quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về án phí: Bà Lê Thị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), bà N đã nộp tiền tạm ứng án phí với số tiền là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0000645 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của cơ quan Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành tỉnh Long An được đối trừ án phí sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm. Riêng ông Nguyễn Trung L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THA DS huyện Châu Thành;
- Ủy ban nhân dân nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Diệp Song Tiền